

Bản án số: 238/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/ 2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DAH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A PHÚ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Thanh;

Ông Huỳnh Trường Huân.

**- Thư ký Tòa án:** Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Phú tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ 8, ấp Phước Hòa, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn A, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ 8, ấp Phước Hòa, xã PH, huyện A Phú, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt, ông A vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trần Thị H trình bày: Hôn nhân của bà với ông Phạm Văn A do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 25/01/2002. Quá trình chung

sống ban đầu tương đối hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông A đi làm nhưng không gửi tiền về phụ giúp gia đình làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Hiện cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay yêu cầu xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nhựt K, sinh ngày 17/5/1994 và Phạm Nhựt K1, sinh ngày 22/02/2001, các cháu hiện nay đã trưởng thành và đang sống với ông A, khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Phạm Văn A theo quy định nhưng ông A vắng mặt.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 23/4/2019, kết quả thể hiện: Bà H và ông A chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống hai bên thường hay mâu thuẫn, cự cãi, tính tình thường không hòa hợp, hai người đã ly thân nhau nhiều năm.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2019 được Công An xã PH cho biết hiện ông A vẫn còn đăng ký thường trú tại Công An xã PH theo tàng thư Công An đang giữ.

Tại phiên tòa bà H vẫn bảo lưu ý kiến. Ông A vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà H và ông A có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nhựt K, sinh ngày 17/5/1994 và Phạm Nhựt K1, sinh ngày 22/02/2001, các cháu hiện nay đã trưởng thành và đang

sống với ông A, khi ly hôn bà H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn A. Đồng thời, ông A có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về việc vắng mặt của đương sự: Ông A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về qua hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông A có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông A thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa bà H và ông A đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông A. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Nhật K, sinh ngày 17/5/1994 và Phạm Nhật K1, sinh ngày 22/02/2001, các cháu hiện nay đã trưởng thành và đang sống với ông A, khi ly hôn bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà H và ông A có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn A.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011208 ngày 26/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà H đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 25/01/2002 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

\* **Nơi nhận:**

- TAD tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã PH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (2);

**Nguyễn QuAg Bảo**